

Số: 3 /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Về việc
sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội Về việc sắp xếp đơn vị hành
chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của
Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và
biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được
sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công
tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp,
phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 584 /TTr- STC
ngày 25 tháng 12 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước giá,
thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định Phân công nhiệm vụ
quản lý nhà nước giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, gồm:

a) Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3 Quyết định;
- TT.ĐU, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Báo và PTTH Lào Cai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số 3 /2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Các nội dung công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo các quy định của Luật Giá và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan Nhà nước, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 2. Bình ổn giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá (bổ sung hoặc bãi bỏ), Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa dịch vụ đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, xin ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan, gửi Sở

Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật để bình ổn giá.

3. Phân công nhiệm vụ: Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Định giá và thực hiện việc thẩm định phương án giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (bổ sung hoặc bãi bỏ), Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực tổng kết, đánh giá về tình hình cung cầu, diễn biến giá cả thị trường của hàng hóa dịch vụ, thực trạng biện pháp quản lý giá, công tác định giá của Nhà nước, đồng thời đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP xin ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan, gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

2. Phân công nhiệm vụ: Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong các trường hợp sau:

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá;
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa;
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể.

4. Cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã: thực hiện việc thẩm định phương án giá, xin ý kiến của Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và trình văn bản định giá trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

- a) Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã đặt hàng.
- b) Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp xã.

5. Đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ công xây dựng phương án giá hàng hóa dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) cho ý kiến đối với phương án giá đã xây dựng trước khi trình Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực thẩm định.

6. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công về việc thẩm định phương

án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

7. Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

8. Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo phương án giá đến Sở Tài chính xin ý kiến, Sở Tài chính rà soát bảo đảm phù hợp về trình tự, thủ tục ban hành phương án giá, khả năng cân đối của Ngân sách địa phương và có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan thẩm định.

9. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Điều 4. Kê khai giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá (bổ sung hoặc bãi bỏ), Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP xin ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan, gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

2. Phân công nhiệm vụ: Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này

Cơ quan tiếp nhận kê khai thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

b) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

5. Lập và công bố Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh, các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá số 16/2023/QH15 về thẩm định giá của Nhà nước.

2. Các nội dung quy định về Hội đồng thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của hội đồng thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá; thông báo kết quả thẩm định giá và báo cáo thực hiện thẩm định giá; chi phí thẩm định giá; hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65 và Điều 66 Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá số 16/2023/QH15 về thẩm định giá.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá: Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Việc thực hiện thẩm định giá của Nhà nước phải bảo đảm các quy định pháp luật về giá.

Điều 6. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Cơ quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

a) Sở Tài chính.

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

b) Các cơ quan, địa phương được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục lương thực, thực phẩm; vật tư nông nghiệp theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng thép xây dựng; Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)), nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng thép xây dựng, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Cơ sở giáo dục đại học công lập: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Cục Thống kê tỉnh: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có). Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động lên CPI (nếu có).

- Các Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực khác: Tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường và báo cáo giá thị trường của ngành, lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh theo

mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn xã quản lý theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

- Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng, trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

3. Báo cáo giá thị trường đột xuất

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

b) Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở cơ quan quản lý ngành tổng hợp theo lĩnh vực gửi Sở Tài chính tổng hợp khi có yêu cầu.

d) Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 7. Quản lý và cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan: tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động nhập liệu, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính xây dựng, nhập liệu, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm: Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính; Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật; Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu; Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá; Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Các sở, ngành, cơ quan đơn vị cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm: Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan đơn vị mình chủ trì tham mưu; Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá; Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan, đơn vị mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan, đơn vị mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn trực thuộc chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm: Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của Bộ Tài chính; Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tham mưu; Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Điều 8. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

a) Sở Tài chính:

- Kiểm tra các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra của đơn vị mình gửi Sở Tài chính trước ngày 20/10 năm trước, Sở Tài chính tổng hợp, gửi Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo; sau khi có kết quả xử lý chồng chéo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra trước ngày 31/12 hàng năm.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra ban hành Quyết định kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

c) Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản viện dẫn

Trường hợp các quy định, văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Điều 10. Trách nhiệm cơ quan đơn vị

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai kiểm tra đôn đốc thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan quản lý ngành lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh bổ sung cho phù hợp/ 



Phụ lục I
HÀN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ NGÀNH
TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3 /2026/QĐ-UBND ngày 12/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Danh mục hàng hóa dịch vụ bình ổn giá	Cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện bình ổn giá
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

**PHẦN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ CÓ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐỊNH GIÁ TRÊN ĐỊA
BÀN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3 /2026/QĐ-UBND ngày 12/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá
I	Định khung giá (2)		
1	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và môi trường	Sở Nông nghiệp và môi trường
II	Định giá tối đa (6)		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt <i>áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể (14)		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ (3)		
1	Nước sạch	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Sở Xây dựng	Sở Xây dựng - Nước sạch sinh hoạt đô thị; Sở Nông nghiệp và Môi trường - Nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn.
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể (11)		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	

	của cơ quan, tổ chức ở địa phương		
3.1	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực</i>
3.2	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i>
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
5.1	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
5.2	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i>
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu	Sở Xây dựng	

	tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)		
7.1	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		Sở Xây dựng
7.2	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp xã</i>		Ủy ban nhân dân cấp xã
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
8.1	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		Sở Xây dựng
8.2	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp xã</i>		Ủy ban nhân dân cấp xã
9	Dịch vụ vận tải hành khách hành lý trên đường sắt đô thị		
9.1	<i>Dịch vụ vận tải hành khách hành lý trên đường sắt đô thị được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		Sở Xây dựng
9.2	<i>Dịch vụ vận tải hành khách hành lý trên đường sắt đô thị được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp xã</i>		Ủy ban nhân dân cấp xã

10	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
10.1	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
10.2	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i>
11	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
11.1	<i>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Công Thương</i>
11.2	<i>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i>
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ (1)		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực



Phụ lục III
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ NGÀNH
THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3 /2026/QĐ-UBND ngày 12/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế- kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phần		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm, phân DAP, phân NPK		Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vacxin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng (PL 2 của Luật giá)		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý		Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Xây dựng

3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Xây dựng
5	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương		Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)		Sở, ngành theo lĩnh vực
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô		Sở Xây dựng
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn NSNN (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Xây dựng
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Xây dựng
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi		Sở Y tế
14	Thiết bị y tế		Sở Y tế

15	Dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
17	Dịch vụ viễn thông		Sở Khoa học và Công nghệ
B	HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DẶC THÙ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ TẠI ĐỊA PHƯƠNG		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương
9	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường